

Số: 07/2022/QĐST - DS

G, ngày 25 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2, Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 11/2022/TLST- DS, ngày 17 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY

Thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: vợ chồng ông Trần Văn Tr (sinh năm 1958), bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1961).

Đều trú tại: phố M, thị trấn M, huyện G, tỉnh N.

- Bị đơn: Vợ chồng anh Đinh Quang Ph (sinh năm 1981), chị Trương Thị T, sinh năm 1986.

Đều trú tại: xóm 11, xã L, huyện G, tỉnh N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nội dung: vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Trần Văn Tr và vợ chồng anh Đinh Quang Ph, chị Trương Thị T cùng thống nhất như sau: vợ

chồng chị Trương Thị T, anh Đinh Quang Ph còn nợ vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Trần Văn Tr tổng số tiền là 30.000.000 đ (*ba mươi triệu đồng*).

2.2. Về trách nhiệm trả nợ:

Vợ chồng anh Đinh Quang Ph, chị Trương Thị T có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị L tổng số tiền là 30.000.000 đ (*ba mươi triệu đồng*).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3. Về án phí: vợ chồng anh Đinh Quang Ph, chị Trương Thị T nhận nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đ (*bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đ (*bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0004202, ngày 17 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Quốc

